100–20000 MHz 射频开关IC — SP4T; TTL

LCI-SW-100-20000-SP4T-C · 100–20000 MHz · 射频开关IC.

RF 电气表参数: SP4T; 插入损耗 -2.6 dB (典型值); 隔离度 -50 dB (典型值). RF 测试条件: TA = +25 °C.

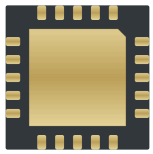

QFN20 4 × 4 mm

RF端口需外加隔直电容。

VE = -5 V; VA = 0 V; VB = 0 V: RFin ↔ RFout1

VE = -5 V; VA = 3.3 V; VB = 0 V: RFin ↔ RFout2

VE = -5 V; VA = 0 V; VB = 3.3 V: RFin ↔ RFout3

VE = -5 V; VA = 3.3 V; VB = 3.3 V: RFin ↔ RFout4

T_peak ≤ 260 °C

RFin: 3

RFout1: 20

RFout2: 17

RFout3: 9

RFout4: 6

VE: 11, 15

VA: 14

VB: 12

NC: 13

GND: 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10, 16, 18, 19

封装外形尺寸: 4 × 4 × 0.75 mm.

RF 特性 TA = +25 °C

参数	符号	最小值	典型值	最大值	单位
工作频率	f	100	-	20000	MHz
插入损耗	IL	-	-2.6	-	dB
隔离度	ISO	-	-50	-	dB
输入驻波比	-	-	1.3	-	-
输出驻波比 (导通)	-	-	1.3	-	-
输出驻波比 (关断)	-	-	1.3	-	-

直流偏置与电流 TA = +25 °C

参数	符号	最小值	典型值	最大值	数值	单位
负电源电压	-	-	-	-	-5	V
负电源静态电流	-	-	0.0018	-	-	A
输入驱动电流	-	-	0.0003	-	VIH = 5 V; TTL	A
输入高电平电压	-	3	-	5	-	V
输入低电平电压	-	0	-	0.4	-	V

极限参数 极限参数，不作为正常工作设定值。

参数	符号	最小值	典型值	最大值	单位
最大输入功率	-	-	-	27	dBm
储存温度	-	-65	-	150	°C
工作温度	-	-55	-	85	°C
最小负电源电压	-	-6	-	-	V
最大控制电压	-	-	-	6	V

封装外形尺寸

参数	数值	单位
封装外形尺寸	4 × 4 × 0.75	mm

当前出版记录 · 1.3 · 2026-11-12. 产品说明或编辑内容更新。 替代版本 1.2.

集成说明

QFN20 4 × 4 mm RF端口需外加隔直电容。 VE = -5 V; VA = 0 V; VB = 0 V: RFin ↔ RFout1 VE = -5 V; VA = 3.3 V; VB = 0 V: RFin ↔ RFout2 VE = -5 V; VA = 0 V; VB = 3.3 V: RFin ↔ RFout3 VE = -5 V; VA = 3.3 V; VB = 3.3 V: RFin ↔ RFout4 T_peak ≤ 260 °C RFin: 3 RFout1: 20 RFout2: 17 RFout3: 9 RFout4: 6 VE: 11, 15 VA: 14 VB: 12 NC: 13 GND: 1, 2, 4, 5, 7, 8, 10, 16, 18, 19

机械外形尺寸图

安装尺寸参考图，单位为 mm。图中列出部分尺寸，安装时请参照完整安装图。

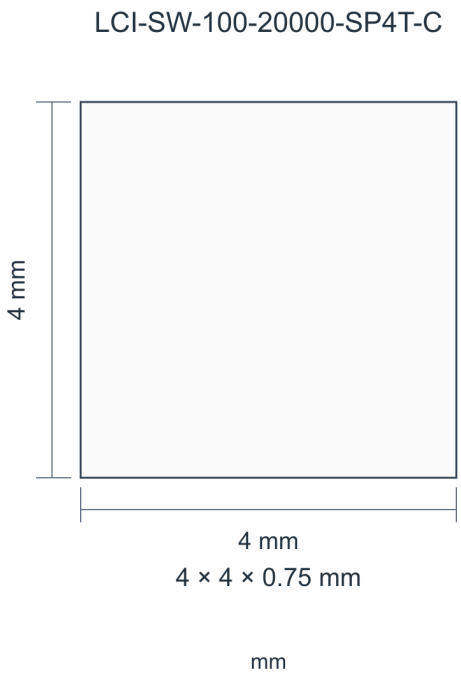

文档说明

规格可能随产品更新而修订。设计定版前，请向 LCRF 确认当前文档版本及具体产品要求；最终供货配置以经确认的报价和订单文件为准。